

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày 02 tháng 3 năm 2021
V/v: "Tranh chấp yêu cầu chia
tài sản chung sau ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Biên;

2, Bà Thân Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải- Kiểm sát viên;

Ngày 02/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 400/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/01/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2021 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số nhà 5B, ngõ 21, đường V, phường H, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

** Bị đơn:* Anh Đồng Thái M, sinh năm 1981

Đại chỉ: Căn hộ 1912A, Chung cư Bách Việt, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị và anh Đồng Thái M kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn chị và anh M có 02 con chung là Đồng Thái D, sinh năm 2012 và Đồng Thuỳ L, sinh năm 2014. Do có mâu thuẫn vợ chồng nên giữa chị và anh M đã ly hôn theo

Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 74/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang. Sau khi ly hôn chị trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Về tài sản chung giữa chị và anh M chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị và anh M không thống nhất được về việc phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh M tạo lập được một số tài sản chung như sau:

- Tài sản thứ 1: Diện tích 54,4m² đất và căn nhà cấp 4 trên đất tại địa chỉ số 5B, ngõ 21, đường V, phường H, thành phố Bắc Giang; đất đã được UBND thành phố Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 735830 ngày 04/11/2013 do chị (Nguyễn Thị A) và anh Đồng Thái M đứng tên.

- Tài sản thứ 2: Lô đất có diện tích 67,5m² tại Khu trung tâm thương mại và khách sạn cao cấp, phường L, thành phố B, đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị và anh Đồng Thái M đứng tên. Do không có nhu cầu sử dụng nên ngày 24/9/2018 chị và anh M đã chuyển nhượng cho chị Chu Thị Phương Hồng K được số tiền 1.190.000.000đồng. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng, chị Khánh đã thực hiện thanh toán đủ tiền cho chị và anh M, sau khi nhận tiền anh M đã nộp toàn bộ 1.190.000.000đồng vào tài khoản cá nhân đứng tên anh M tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Giang (theo số tài khoản 2500205012462 mang tên Đồng Thái M). Ngày 25/9/2018, anh M đã rút 200.000.000đồng từ tài khoản nêu trên để trả khoản nợ chung của chị và anh M.

Như vậy số tiền bán đất còn lại là 990.000.000đồng. Cùng ngày 25/9/2018 anh M đã chuyển số tiền này từ tài khoản của anh M sang hình thức gửi sổ tiết kiệm, sổ tiết kiệm mang tên cá nhân anh M tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Giang. Đến nay anh M vẫn quản lý số tiền này.

- Tài sản thứ 3: Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh M có một chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia morning 5 chỗ ngồi, BKS 30E-519.58, anh M là người quản lý sử dụng chiếc xe này nhưng sau đó anh M bán chiếc xe này cho người khác với giá 245.000.000đồng, sau khi bán anh M dùng số tiền bán chiếc xe trên để mua chiếc xe ô tô khác nhãn hiệu Kia morning BKS 30A-213.85 cũng với giá 245.000.000đồng và hiện nay anh M đang quản lý, sử dụng.

Vậy, tài sản chung của chị và anh Đồng Thái M tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân đến nay chưa được phân chia là: Nhà, đất tại số 5B, ngõ 21, đường V, phường H, thành phố Bắc Giang có trị giá theo kết quả của Hội đồng định giá tài sản là 614.720.000 đồng. Số tiền bán đất anh M đang quản lý là 990.000.000đồng; chiếc xe ô tô Kia morning BKS 30A-213.85.

Hiện nay chị là người trực tiếp quản lý căn nhà và đất địa chỉ số 5B, ngõ 21, đường V, phường H, thành phố Bắc Giang. Anh M là người quản lý số tiền 990.000.000đồng và chiếc xe ô tô Kia morning BKS 30A-213.85.

Nay giữa chị và anh M không tự thoả thuận được việc phân chia tài sản nên chị A yêu cầu Toà án giải quyết phân chia như sau:

- Diện tích 54,4m² đất và căn nhà cấp 4 trên đất tại địa chỉ số 5B, ngõ 21, đường V, phường H, thành phố Bắc Giang; đất đã được UBND thành phố Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 735830 ngày 04/11/2013 do chị Nguyễn Thị A và anh Đồng Thái M đứng tên. Chị đề nghị chia đôi giá trị và chị có nguyện vọng được sử dụng toàn bộ diện tích đất và căn nhà cấp 4 trên đất này. Vì hiện tại chị và các con của chị vẫn đang ở trên nhà và đất này, ngoài ra chị không có chỗ ở nào khác. Anh M đã có chỗ ở ổn định tại Căn hộ 1912A, Chung cư Bách Việt, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đối với số tiền 990.000.000đồng anh M đang quản lý chị đề nghị chia đôi. Sau khi trừ đi giá trị nhà đất mà chị được chia, số tiền còn lại đề nghị Toà án chia đôi cho chị và anh M.

- Đối với chiếc xe ô tô Kia morning BKS 30A-213.85, ban đầu chị A có yêu cầu Toà án phân chia theo quy định. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị A không yêu cầu Toà án giải quyết đối với chiếc xe ô tô này và đã có đơn xin rút một phần yêu cầu chia tài sản là chiếc xe ô tô nêu trên.

Ngoài ra chị A không yêu cầu gì khác.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các biện pháp tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đối với anh Đồng Thái M đến Tòa án để làm việc và thể hiện quan điểm trước yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A nhưng anh M vẫn vắng mặt, không đến Tòa án để làm việc, không gửi ý kiến bằng văn bản hay bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

* Qua kết quả xác minh Chị Chu Thị Phương Hồng K cho biết: Ngày 24/9/2018 chị có ký hợp đồng nhận chuyển nhượng của anh Đồng Thái M và chị Nguyễn Thị A 01 Lô đất có diện tích 67,5m² tại Khu trung tâm thương mại và khách sạn cao cấp, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang, diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị A và anh Đồng Thái M đứng tên, giá chuyển nhượng là 1.190.000.000đồng, chị đã thanh toán đủ tiền cho anh M và chị A tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Giang. Việc chuyển nhượng đất giữa 2 bên đã thực hiện xong từ thời điểm đó nên không có tranh chấp gì.

* Qua xác minh tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Giang được biết: Ngày 24/9/2018 anh Đồng Thái M có nộp số tiền 1.190.000.000đồng vào tài khoản số 2500205012462, đây là số tài khoản của anh M mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Giang. Đến ngày 25/9/2018 anh M có rút tiền từ tài khoản nói trên để gửi tiết kiệm số

tiền 1.200.000.000đồng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Giang.

* Kết quả định giá đối với diện tích 54,4m² đất và căn nhà trên đất tại địa chỉ số 5B, ngõ 21, đường V, phường H, thành phố Bắc Giang thì tổng giá trị tài sản là nhà và đất theo giá chuyển nhượng thực tế tại thời điểm định giá (ngày 22/12/2020) là:

Đất: 9.500.000đồng/1m² x 54,4m² = 516.800.000đồng

Nhà: 3.600.000đồng/1m² x 54,4m² x 50% = 97.920.000đồng.

Tổng giá trị nhà và đất = 614.720.000 đồng.

- Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn là anh M vắng mặt không có lý do nên nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay:

- Nguyên đơn chị A xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung đối với chiếc xe ô tô. Đề nghị Tòa án chia tài sản chung là nhà, đất và số tiền 990.000.000đồng.

- Bị đơn anh Đồng Thái M đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 29; Điều 33; Điều 59; Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị A đối với anh Đồng Thái M.

2. Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của chị Nguyễn Thị A và anh Đồng Thái M gồm:

- Diện tích 54,4m² đất và căn nhà cấp 4 trên đất tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 17, địa chỉ tại số 5B, ngõ 21, đường V, phường H, thành phố Bắc Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 735830 do UBND thành phố Bắc Giang cấp ngày 04/11/2013 cho Nguyễn Thị A và anh Đồng Thái M đứng tên. Tổng trị giá tài sản nhà và đất là 614.720.000 đồng và số tiền 990.000.000đồng.

Tổng trị giá tài sản chung của chị A và anh Đồng Thái M là 1.604.720.000đồng.

Chị Nguyễn Thị A và anh Đồng Thái M mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung tương đương số tiền mỗi người được hưởng là 802.360.000 đồng.

3. Giao cho chị Nguyễn Thị A được quyền quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 396, tờ bản đồ số 17, có diện tích $54,4m^2$ tại địa chỉ số 5B, ngõ 21, đường V, phường H, thành phố Bắc Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 735830 do UBND thành phố Bắc Giang cấp ngày 04/11/2013 cho Nguyễn Thị A và anh Đồng Thái M đứng tên và được sở hữu tài sản trên đất là 01 căn nhà một tầng khép kín đồ trần có diện tích $54,4m^2$ nằm trên thửa đất. Tổng trị giá nhà và đất là 614.720.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị A được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu đối với tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

4. Giao cho anh Đồng Thái M được sở hữu số tiền 990.000.000 đồng (tiền bán đất) là tài sản chung của chị A và anh M hiện đang do anh M quản lý.

5. Buộc anh Đồng Thái M có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị A số tiền chênh lệch về tài sản là: 187.640.000 đồng.

6. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị A đối với tài sản là chiếc xe ô tô Kia morning BKS 30A-213.85.

7. Về án phí: Anh M và chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần giá trị tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, báo gọi đối với bị đơn là anh Đồng Thái M nhiều lần nhưng anh M không đến Tòa án trình bày quan điểm, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án không tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ như ghi lời khai bị đơn và không tiến hành phiên hoà giải giữa các đương sự trong vụ án được. Mặt khác trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã thực hiện tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho anh M là bị đơn theo đúng quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 02/02/2021 bị đơn là anh M vắng mặt không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh M nhưng anh M tiếp tục vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn. Tại thời điểm thụ lý vụ

án bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Bắc Giang. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

*** Về nội dung:**

[3]. Quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị A rút lại một phần yêu cầu chia tài sản chung đối với chiếc xe ô tô Kia morning BKS 30A-213.85. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của nguyên đơn về chia tài sản chung đối với chiếc xe ô tô Kia morning BKS 30A-213.85.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn là anh Đồng Thái M không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào và cũng không thể hiện quan điểm của mình trước yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của phía nguyên đơn. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp; kết hợp với các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định từng vấn đề như sau:

*** Về tài sản chung:**

[4.1]. Đối với nhà, đất tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 17 tại địa chỉ số 5B, ngõ 21, đường V, phường H, thành phố Bắc Giang: Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 735830 do UBND thành phố Bắc Giang cấp ngày 04/11/2013 do chị Nguyễn Thị A và anh Đồng Thái M đứng tên chủ sử dụng đất thì có cơ sở xác định nhà, đất này là tài sản chung của chị Nguyễn Thị A và anh Đồng Thái M tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân, đến thời điểm ly hôn và cho đến nay giữa anh M và chị A chưa chia. Hiện nhà và đất này chị A là người trực tiếp ở và quản lý, sử dụng.

[4.2]. Đối với số tiền 990.000.000đồng: Căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/9/2018 giữa bên chuyển nhượng là chị Nguyễn Thị A và anh Đồng Thái M với bên nhận chuyển nhượng là chị Chu Thị Phương Hồng K đối với thửa đất số 195, tờ bản đồ số 14, địa chỉ thửa đất tại Khu trung tâm thương mại và khách sạn cao cấp, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang; kết hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Tòa án thu thập được thì Hội đồng xét xử có căn cứ xác định. Trước khi ly hôn (theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 74/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2019) giữa anh M và chị A có diện tích 67,5m² đất tại Khu trung tâm thương mại và khách sạn cao cấp, phường Lê Lợi, thành phố Bắc Giang và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị A và anh Đồng Thái M đứng tên. Đến ngày 24/9/2018 chị A và anh M đã chuyển nhượng diện tích đất này cho chị Chu Thị Phương Hồng K được số tiền 1.190.000.000đồng, sau khi nhận tiền anh M đã gửi 1.190.000.000đồng vào tài khoản cá nhân đứng tên anh M tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Giang (theo số tài khoản

2500205012462 mang tên Đồng Thái M). Ngày 25/9/2018, anh Đồng Thái M đã rút 200.000.000đồng để trả nợ. Còn 990.000.000đồng anh M đã chuyển từ tài khoản của anh M sang hình thức gửi tiết kiệm là 990.000.000đồng mang tên cá nhân anh M tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Giang. Theo chị A trình bày: Sau khi anh M quản lý số tiền này vợ chồng có mâu thuẫn nên sống ly thân mỗi người một nơi, trong thời gian sống ly thân cho đến khi ly hôn thì giữa chị A và anh M không cùng nhau sử dụng số tiền này, bản thân anh M cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng M đã sử dụng số tiền này vào mục đích chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do vậy, có căn cứ xác định trong thời kỳ hôn nhân giữa anh M và chị A có chung số tiền 990.000.000đồng, số tiền này anh M quản lý là có căn cứ.

[5]. Về giá trị tài sản chung:

- Về nhà đất: Theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản thì tổng giá trị tài sản là nhà và đất theo giá chuyển nhượng thực tế tại thời điểm định giá tài sản là:

Đất: $9.500.000\text{đồng}/1\text{m}^2 \times 54,4\text{m}^2 = 516.800.000\text{đồng}$

Nhà: $3.600.000\text{đồng}/1\text{m}^2 \times 54,4\text{m}^2 \times 50\% = 97.920.000\text{đồng}$.

Tổng giá trị nhà và đất = 614.720.000 đồng.

- Về số tiền bán (chuyển nhượng) đất. Theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được và lời khai của nguyên đơn cho thấy: Khi chưa ly hôn giữa anh M và chị A bán đất cho chị Khánh được 1.190.000.000đồng, tuy nhiên theo chị A thì thời điểm đó anh M đã rút 200.000.000đồng trong tổng số 1.190.000.000đồng để trả nợ đến nay chị A xác định số tiền bán đất còn lại là 990.000.000đồng và chị A chỉ yêu cầu chia đôi với số tiền 990.000.000đồng.

Như vậy: Tổng giá trị nhà, đất và số tiền là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa chị A và anh M là: $990.000.000\text{đồng} + 614.720.000\text{đồng} = 1.604.720.000\text{đồng}$.

[6]. Về phân chia tài sản chung: Theo như lời khai của nguyên đơn về nguồn gốc tài sản chung của anh M và chị A được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, công sức tạo nên tài sản chung này đều do hai người làm ra và ngang bằng nhau. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu Toà án chia đôi tài sản chung theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ cho thấy, toàn bộ khối tài sản chung của anh M và chị A được tạo nên trong thời kỳ hôn nhân, bản thân anh M và chị A đều có công việc ổn định, tài sản đều đứng tên cả hai người, anh M không cung cấp tài liệu chứng minh có công sức lớn hơn trong việc tạo dựng nên giá trị tài sản chung như đã nêu trên. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định công sức đóng góp tạo nên khối tài sản chung giữa anh M và chị A là ngang bằng nhau. Do vậy, theo quy định tại điều 59 Luật hôn nhân và gia đình thì tài sản chung của vợ chồng thì phải chia đôi. Do vậy, anh M và chị A mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản chung tương ứng với $1.604.720.000\text{đồng} \times 50\% = 802.360.000\text{đồng}$.

[7]. Xét yêu cầu nhận hiện vật là nhà đất của nguyên đơn thấy rằng: Diện tích đất tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 17, có diện tích 54,4m² địa chỉ thửa đất số 5, ngõ 21, đường V, phường H, thành phố Bắc Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: BQ 735830; Số vào sổ cấp giấy: H 01388/QĐ số 4237/QĐ-UBND do UBND thành phố Bắc Giang cấp ngày 04/11/2013 là không thể chia đôi bằng hiện vật được. Trong khi đó bản thân chị A trực tiếp nuôi 02 con nhỏ và hiện đang ở ổn định trên diện tích đất và nhà này, ngoài ra chị A không có chỗ ở nào khác, trong khi đó anh M đã có nhà ở riêng tại Căn hộ 1912A, Chung cư Bách Việt, phường Đình Kê, thành phố Bắc Giang. Do vậy, xét nhu cầu về chỗ ở để giao tài sản chung của vợ chồng là hiện vật thì chị A là người có nhu cầu về chỗ ở hơn anh M. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A và giao cho chị A được sở hữu và sử dụng nhà, đất tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 17 tại địa chỉ số 5B, ngõ 21, đường V, phường H, thành phố Bắc Giang. Giá trị căn nhà và đất tại thời điểm xét xử là 614.720.000 đồng.

Anh M đang quản lý số tiền 990.000.000đồng là tài sản chung nên giao cho anh M được sở hữu số tiền trên. Theo đó, anh M phải trả lại phần chênh lệch về tài sản cho chị A là 187.640.000đồng.

[8]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nguyên đơn là người yêu cầu nay nguyên đơn tự nguyện xin chịu cả: Xét thấy việc nguyên đơn xin chịu là tự nguyện và không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự khác nên cần chấp nhận. Số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí định giá, thẩm định tài sản và đã thanh toán xong nên xác nhận nguyên đơn đã nộp xong.

[9]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244 Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 29; Điều 33; Điều 59 và Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A đối với anh Đồng Thái M về chia tài sản chung.

2. Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của chị Nguyễn Thị A và anh Đồng Thái M gồm:

- Diện tích 54,4m² đất và căn nhà trên đất tại thửa đất số 396, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thửa đất số 5, ngõ 21, đường V, phường H, thành phố Bắc Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: BQ 735830; Số vào sổ cấp giấy: H 01388/QĐ số 4237/QĐ-UBND do UBND thành phố Bắc Giang cấp ngày 04/11/2013 cho Nguyễn Thị A và anh Đồng Thái M đứng tên chủ sử dụng. Giá tài sản nhà, đất là 614.720.000 đồng và số tiền 990.000.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản chung của chị A và anh Đồng Thái M là 1.604.720.000 đồng.

- Chia cho chị Nguyễn Thị A $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung tương đương số tiền 802.360.000 đồng

- Chia cho anh Đồng Thái M $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung tương đương số tiền 802.360.000 đồng.

3. Giao cho chị Nguyễn Thị A được quyền quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 396, tờ bản đồ số 17, có diện tích 54,4m², địa chỉ thửa đất số 5, ngõ 21, đường V, phường H, thành phố Bắc Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: BQ 735830; Số vào sổ cấp giấy: H 01388/QĐ số 4237/QĐ-UBND do UBND thành phố Bắc Giang cấp ngày 04/11/2013 cho Nguyễn Thị A và anh Đồng Thái M đứng tên và tài sản trên đất là 01 căn nhà một tầng khép kín đồ trần có diện tích 54,4m² nằm trên thửa đất. Tổng trị giá nhà và đất là 614.720.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị A được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng và sở hữu đối với tài sản là nhà đất được giao theo quy định của pháp luật.

4. Giao cho anh Đồng Thái M được sở hữu số tiền 990.000.000 đồng (tiền bán đất) là tài sản chung của chị A và anh M hiện đang do anh M quản lý.

5. Buộc anh Đồng Thái M có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị A số tiền chênh lệch về tài sản là: 187.640.000 đồng.

6. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị A đối với tài sản là chiếc xe ô tô Kia morning BKS 30A-213.85.

7. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

8. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị A phải chịu 36.070.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp 16.762.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0001641 ngày 19/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc

Giang, tỉnh Bắc Giang. Chị A còn phải nộp thêm 19.308.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Đồng Thái M phải chịu 36.070.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

9. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- *Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;*
- *VKSND tỉnh Bắc Giang;*
- *VKSND TP Bắc Giang;*
- *Chi cục THA dân sự thành phố Bắc Giang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Dương Văn Hải